

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-PT
Ngày: 31-01-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyền

Ông Võ Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 293/2018/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 379/2018/QĐPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Nguyễn Ngọc B, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2017).

- Bị đơn: Anh Lê Hồng T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Thị Kim T1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: khu H1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - anh Lê Hồng T.

(*Có mặt chị N, chị T1*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn – chị Vũ Thị Thu H và người đại diện theo ủy quyền quyền của nguyên đơn – chị Hồ Thị N trình bày:*

Ngày 07/9/2016, chị Vũ Thị Thu H có thỏa thuận mua bán trái Thanh Long với anh Lê Hồng T, theo đó chị H trả tiền cho anh T để anh T mua Thanh Long rồi đóng thùng cho chị H xuất khẩu.

Ngày 07/9/2016, chị H giao trước cho anh T số tiền 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến ngày 11/9/2016 anh T sẽ giao cho chị H đủ 940 thùng, mỗi thùng 20kg Thanh Long.

Ngày 09/9/2016, chị H giao cho anh T số tiền 70.000.000 đồng, hai bên có ký biên nhận với nhau và thống nhất vào lúc 19 giờ ngày 11/9/2016 anh T sẽ giao toàn bộ số Thanh Long này cho chị H, nhưng khi đến hẹn, anh T không giao đủ số lượng, đóng hàng chậm và không đạt chất lượng nên xảy ra tranh chấp.

Ngoài ra, trong quá trình đóng thùng Thanh Long, anh T còn yêu cầu chị H đưa tiền bồi dưỡng làm ngoài giờ cho công nhân của anh T với số tiền 1.588.000 đồng và chị H đồng ý.

Như vậy, tổng cộng anh T đã nhận của chị H 111.588.000 đồng, sau đó anh T không giao đủ số lượng và Thanh Long của anh T giao không đạt chất lượng nên chị H không nhận.

Nay chị H yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả cho chị H số tiền đã nhận là 110.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn – anh Lê Hồng T trình bày:*

Anh có hợp đồng mua bán Thanh Long với chị H, hai bên thỏa thuận chị H giao bao nhiêu tiền thì anh sẽ đóng thùng bấy nhiêu Thanh Long giao cho chị H.

Ngày 07/9/2016, chị H giao trực tiếp cho anh 40.000.000 đồng, anh đóng được 10 tấn Thanh Long.

Ngày 09/9/2016, chị H muốn mua tiếp Thanh Long nên anh có yêu cầu chị H giao thêm tiền, anh cung cấp số tài khoản và chị H đồng ý giao thêm 70.000.000 đồng và hứa đến đầu giờ chiều cùng ngày sẽ chuyển khoản cho anh vào số tài khoản 6900205179249 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang. Chị H yêu cầu anh ký giấy biên nhận nhận thêm của chị H 70.000.000 đồng, anh có ký tên và hai bên thống nhất đến 19 giờ ngày 11/9/2016 anh sẽ giao đầy đủ số lượng Thanh Long theo hợp đồng cho chị H. Tuy nhiên, đến đầu giờ chiều ngày 09/9/2016 chị H không chuyển khoản số tiền 70.000.000 đồng như đã hứa, nên anh đến Công an huyện C trình báo sự việc trên, Công an huyện C có đến phối hợp cùng Công an xã Q giải quyết và có lập biên bản vụ việc. Tại biên bản làm việc của Công an huyện C, chị H thừa nhận chưa chuyển tiền cho anh theo biên nhận ngày 09/9/2016.

Nay anh không đồng ý trả 110.000.000 đồng cho chị H vì chị H là người vi phạm hợp đồng mua bán. Anh cũng không đồng ý trả lại 40.000.000 đồng đã nhận, vì số lượng Thanh Long mà anh mua để giao cho chị H nhưng chị H không nhận, anh phải bán gấp dẫn đến thiệt hại rất nhiều.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 293/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 428, 435, 438 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu H.

Anh Lê Hồng T có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị Thu H số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu H về việc yêu cầu anh Lê Hồng T trả số tiền bồi dưỡng cho nhân công đóng thùng Thanh Long số tiền 1.588.000đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

*Ngày 24/9/2018, anh Lê Hồng T có đơn kháng cáo không đồng ý trả cho chị H 110.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét lại bản án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Hồ Thị N - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Ngô Thị Kim T1 - đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Hồng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Lê Hồng T kháng cáo không đồng ý trả số tiền 110.000.000 đồng cho chị Vũ Thị Thu H, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Kim T1 (đại diện theo ủy quyền của anh Thanh) trình bày yêu cầu kháng cáo cho rằng: Anh T thừa nhận chữ viết và chữ ký của anh T tại hai biên nhận do chị H cung cấp cho Tòa án. Anh T cũng thừa nhận nội dung của hai biên nhận này nhưng thực tế anh T chỉ mới nhận 40.000.000 đồng của chị H giao trực tiếp cho anh T, còn số tiền 70.000.000 đồng theo biên nhận ngày 09/9/2016 thì chị H chưa giao. Chị H hứa sẽ chuyển khoản cho anh T ngay đầu giờ chiều ngày 09/9/2016 nhưng chị H không thực hiện nên anh T không giao đủ số lượng Thanh Long theo yêu cầu của chị H. Hai bên cãi vã, chị H bỏ về. Anh T phải bán rẻ số Thanh Long đã đóng thùng và chịu lỗ hơn 100.000.000 đồng. Chị H là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mất tiền cọc. Anh T không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng đã nhận cho chị H.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh T là các lời khai của người làm chứng Huỳnh Văn N1 (N1), Nguyễn Thị Thu T2 (S1) đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập trong hồ sơ vụ án. Cụ thể, ông N1 có nghe anh T

và chị H nói chị H chuyển tiền cho anh T qua tài khoản ngân hàng, chứng tỏ lời khai của anh T cho rằng chị H hứa sẽ chuyển 70.000.000 đồng qua tài khoản của anh T là đúng sự thật, mà theo xác nhận của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang thì “tài khoản số 6900205179249, chủ tài khoản Lê Hồng T mở tại Agribank tỉnh Tiền Giang, trong thời gian từ ngày 09/9/2016 đến ngày 11/9/2016 không có nhận bất kỳ lệnh chuyển tiền nào vào tài khoản dưới mọi hình thức”. Ngoài ra, theo chị H trình bày khi anh T không thấy chị H chuyển khoản 70.000.000 đồng như đã hứa thì qua ngày hôm sau anh T đã đến trụ sở Công an huyện C để trình báo sự việc. Công an huyện C phối hợp với Công an xã Q lập biên bản. Tại biên bản làm việc này, chị H thừa nhận chưa chuyển số tiền 70.000.000 đồng cho anh T. Nhiều lần anh T xin biên bản làm việc này của Công an huyện C để nộp cho Tòa án nhưng không được giải quyết. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị T1 với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của anh T làm đơn khiếu nại thì nhận được “Giấy hẹn” của Đội điều tra tổng hợp Công an huyện C, hẹn đến ngày 29/01/2019 sẽ có văn bản trả lời cho chị T1. Chị T1 đã nộp “Giấy hẹn” này tại phiên tòa phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T và lời trình bày của chị T1 tại phiên tòa là không có cơ sở để chấp nhận, bởi các lẽ sau:

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng Huỳnh Văn N1 (N1), ông N1 trình bày: ông có hợp đồng đóng thùng Thanh Long giao cho anh T tại kho của ông. Ông có nghe chị H và anh T nói hai bên có giao nhận số tiền 40.000.000 đồng. Ngày đóng thùng Thanh Long thứ hai, anh T yêu cầu chị H chuyển thêm tiền, chị H lấy điện thoại của chị H bấm chuyển tiền cho anh T, anh T kiểm tra điện thoại và thấy có chuyển tiền vào rồi nên các bên tiếp tục đóng Thanh Long. Hai bên có ký giấy nhận tiền với nhau và thống nhất ngày giờ giao hàng. Đến ngày giao hàng, chị H có đến nhận Thanh Long nhưng anh T không có đủ số lượng Thanh Long để giao nên xe không thể chạy được (đủ số lượng container thì xe mới chạy) do đó phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị H bỏ về không nhận Thanh Long của anh T (bút lục 53-54).

Ngoài ra, ông N1 còn trình bày khoảng 16-17 giờ ngày giao Thanh Long, anh T đi báo Công an xã và Công an huyện đến kho của ông để giải quyết tranh chấp giữa anh T và chị H, nhưng Công an đến rồi về chứ không có giải quyết việc gì vì không có ai gây rối như trình báo của anh T (bút lục 55-58).

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng Nguyễn Thị Thu T2 (S1), chị T2 trình bày: chị là người làm công cho ông Huỳnh Văn N1, ông N1 có mướn chị đóng thùng Thanh Long để giao cho chị H. Chị có nghe chị H nói là giao trực tiếp cho anh T 40.000.000 đồng để mua Thanh Long và chuyển cho anh T 70.000.000 đồng để mua thêm, sau đó anh T nói có đi mua nhưng không có Thanh Long. Chị không nhớ ngày nào, H và T có ký giấy và hứa ngày giao hàng, nếu sai thì anh T phải đền hợp đồng. Khoảng 13-14 giờ ngày giao Thanh

Long, Công an xã và Công an huyện đến kho của ông N1 vì anh T báo là chị H cho giang hồ đến gây rối, chị cũng bị mời về Công an xã làm việc, còn tất cả công nhân đều ra về. Tính đến ngày giao Thanh Long, chị và công nhân chỉ đóng được 7-8 tấn Thanh Long vì không có Thanh Long để đóng thùng, trong khi mỗi container khoảng từ 17-18 tấn. Do anh T không có đủ Thanh Long để giao nên chị H không nhận.

Xét thấy, anh T khai chị H chưa chuyển 70.000.000 đồng cho anh T nhưng ông N1 lại khai có thấy chị H lấy điện thoại của chị H bấm chuyển tiền cho anh T, anh T kiểm tra điện thoại và thấy có chuyển tiền vào rồi nên các bên tiếp tục đóng Thanh Long. Còn chị T2 khai chị có nghe chị H nói là giao trực tiếp cho anh T 40.000.000 đồng để mua Thanh Long và chuyển cho anh T 70.000.000 đồng để mua thêm, sau đó anh T nói có đi mua nhưng không có Thanh Long. Như vậy, lời khai của anh T có mâu thuẫn với lời khai của ông N1. Còn lời khai của chị T2 cho thấy chị T2 không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận chuyển tiền hoặc giao nhận tiền giữa hai bên mà chỉ nghe chị H và anh T nói lại, nên lời khai của chị T2 và ông N1 chỉ để tham khảo, không được xem là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh T.

Mặt khác, việc chị T1 cho rằng anh T có đến trụ sở Công an huyện C để trình báo sự việc và Công an huyện C phối hợp cùng Công an xã Q lập biên bản sự việc, tại biên bản làm việc này chị H thừa nhận chưa giao số tiền 70.000.000 đồng cho anh T.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Công an huyện C đã có nhiều công văn xác nhận việc anh T trình báo chị H dắt theo một nhóm thanh niên nghi là người Trung Quốc đến kho Thanh Long của ông N1 để gây rối. Công an huyện phối hợp cùng Công an xã Q giải quyết sự việc vào ngày 11/9/2016, không có lần giải quyết nào khác và cũng không có lập hồ sơ ban đầu như lời trình bày của anh T (bút lục 52, 90, 102).

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, trong thời gian nghị án dài hạn, chị T1 có nộp bổ sung chứng cứ là “Biên bản về việc tiếp nhận tin báo của ông Lê Hồng T” đề ngày 30 tháng 01 năm 2019 và được lập tại trụ sở Công an xã Q, có mặt anh T và ông N1 nhưng không có mặt chị H. Mặt khác, biên bản này mới được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, không phải biên bản làm việc ban đầu vào ngày 11/9/2016 như anh T và chị T1 trình bày, nội dung biên bản không phù hợp và có mâu thuẫn với nội dung các Công văn trả lời của Công an huyện C đã gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án (bút lục 52, 90, 102), cũng như không phù hợp với biên bản xác minh ông Nguyễn Thành T3, chức vụ Phó trưởng Công an xã Q, huyện C (bút lục 88, 89) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận căn cứ kháng cáo này của anh T.

Như vậy, căn cứ vào hai biên nhận do chị H giao nộp đã được anh T thừa nhận nội dung và chữ viết, chữ ký của anh T, có đủ cơ sở xác định anh T

đã nhận của chị H tổng cộng 110.000.000 đồng vào hai ngày 07/9/2016 và 09/9/2016. Hai bên thỏa thuận đến 19 giờ ngày 11/9/2016 anh T phải giao đủ số lượng Thanh Long cho chị H nhưng đến hẹn anh T không có đủ Thanh Long giao cho chị H như đã thỏa thuận nên anh T là người vi phạm thỏa thuận, do đó anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền mua Thanh Long đã nhận là 110.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Anh T kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc anh T phải trả cho chị H số tiền 110.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót như sau:

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Hồ Thị N (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) xin rút yêu cầu khởi kiện đòi anh T phải trả số tiền bồi dưỡng nhân công đóng thùng Thanh Long là 1.588.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H, đồng thời quyết định cho các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án là chưa phù hợp pháp luật. Trong trường hợp này phải áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút và đương sự chỉ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án theo quy định.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T phải trả cho chị H số tiền 110.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, đồng thời quyết định việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 khi bản án có hiệu lực pháp luật là không phù hợp với các quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; không phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án đối với phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có một phần phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận một phần.

*Về án phí: Do sửa án nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 244, các Điều 428, 435, 438, Điều 357, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1/- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 293/2018/DS-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu H về việc yêu cầu anh Lê Hồng T trả số tiền bồi dưỡng cho nhân công đóng thùng Thanh Long là 1.588.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu H về việc buộc anh Lê Hồng T phải trả số tiền mua Thanh Long 110.000.000 đồng.

Buộc anh Lê Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị Thu H số tiền mua Thanh Long là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2/- Về án phí: Anh Lê Hồng T phải chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh Thanh đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015168 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Vũ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.790.000 đồng (hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai số 35186 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án tuyên lúc 08 giờ 20 phút ngày 31/01/2019, có mặt chị N và kiểm sát viên, vắng mặt chị T1.

Nơi nhận:

- TAND h.C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h.C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy